

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **70/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 06/12/2019

V/v: Hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Xuân Trường

2/ Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Ông Ong Văn Chúc: Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 12 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXX- ST ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Trần Thị Đ**, sinh ngày tháng năm 1994; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Có mặt;

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Có mặt;

- *Người làm chứng*: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H; Trụ sở: G, 473, Đ, phường 25, quận B, Thành phố H- do ông Đặng Thế H, sinh năm 1976- Nhân viên an ninh Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H là người đại diện theo ủy quyền; Địa chỉ: Xóm M, thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 11/4/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Trần Thị Đ) trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H cưới nhau có tình hiểu và H toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/12/2012 tại UBND xã Đ. Sau khi cưới chị về nhà anh H làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, đến tháng 02/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 8/2018 đến nay, chị đã chuyển về

bên ngoài ở từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình, anh chị em động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh H, vì vậy chị làm đơn xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là: cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 21/4/2014 và cháu Nguyễn Thị Minh Á, sinh ngày 02/8/2017, hiện nay cháu Minh Á đang ở cùng chị còn cháu Minh A đã chuyển về ở cùng anh H cách đây 02 tháng, các cháu vẫn phát triển bình thường, nay ly hôn chị đề nghị để chị được nuôi cả hai con chung của vợ chồng. Trường hợp không được nuôi cả 02 con chung thì chị đề nghị được nuôi cháu Minh Á, anh H nuôi cháu Minh A. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị vì chị xác định đủ điều kiện nuôi con một mình. Hiện nay chị không mang thai.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với khoản vay của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H mà anh H có ý kiến, chị xác định đó là khoản vay riêng của chị nên ngày 04/11/2019 chị đã thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi vay là 31.351.000đ (Ba mươi một triệu ba trăm năm mươi một nghìn đồng), đến nay không còn nợ số tiền nào nữa, chị không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án xem xét.

Bị đơn (anh Nguyễn Văn H) trình bày: Anh và chị Trần Thị Đ cưới nhau có tình cảm và H toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/12/2012 tại UBND xã Đ như chị Đ trình bày là đúng. Sau khi cưới chị Đ về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình được khoảng 6 đến 7 tháng thì vợ chồng ra ở riêng. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, được khoảng 1- 2 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế của vợ chồng khó khăn nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, ngoài ra cũng do vợ chồng trong cuộc sống có quan điểm sống bất đồng dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau. Đến khoảng tháng 7/2018 (âm lịch) chị Đ đã chuyển hẳn về bên ngoài ở từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình, anh chị em động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Anh cũng có đến nói chuyện để chị Đ về đoàn tụ nhưng chị Đ không về. Nay anh xác định cảm giữa anh và chị Đ vẫn còn, còn tình cảm của chị Đ với anh như thế nào anh không biết, chị Đ có đơn xin ly hôn anh không đồng ý, tuy nhiên anh vẫn chưa có phương án nào để chị Đ về đoàn tụ với anh. Trường hợp chị Đ cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là: cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 21/4/2014 và cháu Nguyễn Thị Minh Á, sinh ngày 02/8/2017, hiện nay cháu Minh Á đang ở cùng chị Đ và cháu Minh A đã chuyển về ở cùng anh được 02 tháng, các cháu vẫn phát triển bình thường. Trường hợp hai vợ chồng ly hôn anh đề nghị để anh được nuôi cả hai con chung của vợ chồng, trường hợp không được nuôi cả hai con thì anh đề nghị được nuôi cháu Minh A, chị Đ nuôi cháu nhỏ là Minh Á. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh vì anh xác định đủ điều kiện nuôi con một mình.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Tại Tòa án sau khi hai bên thỏa thuận và Tòa án lập Biên bản thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn, anh H có đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với khoản vay của chị Trần Thị Đ vay Công ty tài chính TNHH Một thành viên H số tiền là 28.805.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm linh năm nghìn đồng). Tại phiên tòa anh không có đề nghị gì về khoản vay nợ nay của chị Đ nữa vì đến nay chị Đ đã trả nợ xong cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên H. Ngoài ra, anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác của chị Đ và anh H.

Người đại diện theo ủy quyền của người làm chứng (Công ty tài chính TNHH Một thành viên H)- anh Đặng Thế H trình bày: Ngày 18/9/2016 chị Trần Thị Đ có vay của Công ty tài chính TNHH Một thành viên H số tiền là 28.805.000đ. Khoản vay này là chị Đ đứng tên vay riêng của công ty do đó công ty không yêu cầu gì về khoản vay này khi chị Đ và anh H giải quyết việc ly hôn tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh Á, sinh ngày 02/8/2017; Anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 21/4/2014. Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000344 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2019 của chị Trần Thị Đ đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Đ thấy rằng*: Qua chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị Đ, anh H từ khi kết hôn có thời gian chung sống hạnh phúc trong một thời gian thì tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được, năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ngoài ra anh H còn xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế của vợ chồng khó khăn nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nên vợ chồng hay cãi vã nhau. Đến tháng 8/2018 chị Đ đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở hẳn từ đó cho tới nay, vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được hai bên gia đình và địa phương động viên hòa giải nhưng không cải thiện được. Chị Đ có đơn xin ly hôn, anh H không đồng ý vì xác định vẫn còn tình cảm với chị Đ nên anh H không đưa ra được phương án nào để chị Đ về đoàn tụ cùng anh H, trường hợp chị Đ cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ngày 14/10/2019 giữa chị Đ và anh H đã thỏa thuận thuận tình ly hôn, tuy nhiên đến ngày 18/10/2019 anh H có văn bản thay đổi ý kiến, không muốn việc các con phải chia tách và giải quyết công nợ của vợ chồng trước khi ly hôn. Qua trao đổi, địa phương xác định chị Đ đã chuyển ra khỏi nhà anh H từ cuối năm 2018 đến nay không về sống chung cùng anh H nữa, địa phương cũng đã động viên nhưng chị Đ không thay đổi ý kiến. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh H đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 55 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn H, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị Đ cần được chấp nhận.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng*: Chị Đ và anh H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là: cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 21/4/2014 và cháu Nguyễn Thị Minh Á, sinh ngày 02/8/2017, hiện nay hai cháu đang ở cùng chị Đ, các cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn, chị Đ và anh H đều đề nghị Tòa án giải quyết để chị Đ và anh H được nuôi cả 02 con chung của vợ chồng và không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con cho bên trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng. Qua xác minh, trao đổi địa phương đề nghị trường hợp vợ chồng ly hôn thì đề nghị giải quyết để mỗi người nuôi 01 con chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù cả hai bên đều đề nghị được nuôi cả 02 con chung của vợ chồng, tuy nhiên quyền và nghĩa vụ nuôi con thì cả người bố và người mẹ đều có trách nhiệm và nghĩa vụ ngang nhau, hiện nay chị Đ và anh H đều có sức khỏe và có công ăn việc làm. Vì vậy cần giao cho chị Đ và anh H mỗi người nuôi một con chung của vợ chồng, anh H nuôi cháu lớn, chị Đ nuôi cháu nhỏ là phù hợp. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ, cần giao con chung của vợ chồng cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh Á, sinh ngày 02/8/2017, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 21/4/2014 là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị được nuôi con chung của chị Đ và

anh H được chấp nhận. Chị Đ và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].4. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, chị Đ và anh H đều không yêu cầu một bên phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau vì xác định đủ điều kiện để tự mình nuôi con, xét thấy là H toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[2].5. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị Đ và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh Á, sinh ngày 02/8/2017; Anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 21/4/2014. Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Trần Thị Đ và anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nH được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000344 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSNDHiệp Hoà
- THADS Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Toàn